TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 09 - 6 - 2022

"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Cúc Hoa.

Ông Nguyễn Hồng Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên toàn số 16/2022/ QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thạch Thị Kiều D**, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- *Bị đơn:* Anh **Thạch K**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2022 và bản tự khai nguyên đơn chị Thạch Thị Kiều D trình bày:***

Vào ngày 25/10/2005, chị xác lập quan hệ vợ chồng với anh Thạch K và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống chị và anh K có hai người con chung tên Thạch Thị N, sinh ngày 07/6/2004 và cháu Thạch R, sinh ngày 21/8/2009. Chị và anh K không xác lập tài sản chung và cũng không có nợ chung. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 vợ chồng thường xuyên cự cải qua lại với nhau nguyên nhân do anh K ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh đập chị. Do đó chị và anh K đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị thấy không còn tình cảm với anh K. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Thạch K.

- Về con chung: Hai cháu Thạch Thị N, sinh ngày 07/6/2004và Thạch R sinh ngày 25/8/20010 đều có nguyện vọng sống chung với cha nên chị thống nhất giao các con cho anh K nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thạch K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên hòa giải hai lần và được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng anh Thạch K đều vắng mặt và không có lời trình bày.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất: Không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, suốt quá trình thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Thạch Thị Kiều D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Thạch K. Đồng thời bị đơn có địa chỉ tại Ấp C, xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt chị Thạch Thị Kiều D (có đơn xin xét xử vắng mặt). Riêng anh Thạch K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần

thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị Thạch Thị Kiều D khai thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 163, quyển số 01, vào ngày 25/10/2005. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu đã cung cấp là Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 25/10/2005 nên xác định hôn nhân giữa chị Thạch Thị Kiều D và anh Thạch K là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị D trình bày năm 2018 anh K ghen tuông vô cớ, đánh đập chị nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vả. Do đó chị đã bỏ về nhà mẹ ruột và sống ly thân với anh K từ năm 2018 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh K nên xin ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan K, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm, không hiểu nhau dẫn đến vợ chồng phát sinh cãi vả nên chị D và anh K đã sống ly thân đến nay (hơn 04 năm), không ai quan K cuộc sống của ai. Hiện vợ chồng chị D và anh K mỗi người đều có cuộc sống riêng, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã mời hòa giải hai lần vào các ngày 06/5/2022 và 13/5/2022 để tạo điều kiện hàn gắn hôn nhân giữa chị D và anh K. Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh K cũng không có ý muốn hàn gắn cùng chị D. Trong các lần hòa giải chị D khẳng định không còn yêu thương anh K. Từ những nhận định trên chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị D và anh K đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh K.

[4] Về con chung: Hai cháu Thạch Thị N, sinh ngày 07/6/2004 và Thạch R sinh ngày 21/8/2009 đã trên 07 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, các cháu không có mặt tham gia hòa giải nhưng có bản tự khai thể hiện nguyện vọng là được sống chung với cha là anh Thạch K. Xét thấy, các cháu từ trước đến nay sống chung với anh K và cũng có nguyện vọng tiếp tục sống chung với anh K. Anh K dù vắng mặt nhưng qua lời trình bày của bà Thạch Thị M mẹ anh K là người nhận các văn bản tố tụng thay anh K, bà cho rằng anh K cũng yêu cầu được nuôi các con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Chị D cũng thống nhất giao con chung cho anh K nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D về con chung giao hai cháu Thạch Thị N, sinh ngày 07/6/2004và Thạch R sinh ngày 21/8/2009 cho anh Thạch K tiếp tục nuôi dưỡng

theo nguyện vọng của các Hcon chung. Chị Thạch Thị Kiều D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Thạch K không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Kiều D khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh Thạch K vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử dành cho anh Thạch K quyền khởi kiện một vụ kiện khác nếu có yêu cầu và chứng minh được về tài sản chung và nợ chung.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Kiều D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Kiều D được ly hôn với anh Thạch K.

2. Về con chung: Giao hai cháu Thạch Thị N, sinh ngày 07/6/2004 và Thạch R sinh ngày 24/5/2009 cho anh Thạch K tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con chung. Chị Thạch Thị Kiều D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Thạch K không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con

của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Kiều D khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh Thạch K vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử dành cho anh Thạch K quyền khởi kiện một vụ kiện khác nếu có yêu cầu về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Thạch Thị Kiều D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008970 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Chị Thạch Thị Kiều D đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp pháp để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã T, huyện Tiểu Cần;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Quyền